

Phụ lục tổng hợp 1
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA XÃ BA ĐỘNG

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ba Động)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Xã Ba Động (mới)					Trong đó:															Ghi chú
							Xã Ba Liên (cũ)					Xã Ba Động (cũ)					Xã Ba Thành (cũ)					
		Tổng vốn	Trong đó				Tổng vốn	Trong đó				Tổng vốn	Trong đó				Tổng vốn	Trong đó				
			NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	
1	2	3=4+5	4		5		6=7+8	7	8			9=10+11	10	11								
	TỔNG SỐ	33.728	7.022	23.515	2.679	512	20.187	1.843	16.345	1.816	183	11.513	3.336	7.170	863	144	2.028	1.843	0	0	185	
A	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao đầu giai đoạn	27.617	7.022	18.015	2.068	512	14.076	1.843	10.845	1.205	183	11.513	3.336	7.170	863	144	2.028	1.843	0	0	185	Chi tiết tại PL 3
B	Hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ nguồn tăng thu năm 2022	6.111	0	5.500	611	0	6.111	0	5.500	611		0	0	0	0		0	0	0	0	0	Chi tiết tại PL 4

Phụ lục tổng hợp 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA UBND XÃ BA ĐỘNG

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Tờ trình số 38 /TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ba Động)

DVT: Triệu đồng

ST T	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch vốn 2025 xã Ba Động (mới)										Trong đó																				Ghi chú										
		Kế hoạch vốn năm 2025					Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Xã Ba Liên (cũ)								Xã Ba Động (cũ)								Xã Ba Thành cũ														
		Trong đó					Trong đó					Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2025					Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025									
		Tổng số vốn	NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Tổng số vốn	NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Tổng số vốn	Trong đó				Tổng số vốn	Trong đó				Tổng số vốn	Trong đó				Tổng số vốn	Trong đó					Tổng số vốn	Trong đó								
													NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã					
	TỔNG SỐ	13.055	1.275	10.015	1.703	62	5.712	0	5.692	0	20	4.548	0	2.845	1.703	0	5.692	0	5.692	0	20	8.445	1.275	7.170	0	0	0	0	0	62	0	0	0	0	62	0	0	0	0	0		
I	Kế hoạch vốn 2025 đã được cấp thẩm quyền giao đầu năm	12.481	1.275	10.015	1.129	62	5.670	0	5.650	0	20	3.974	0	2.845	1.129	0	5.650	0	5.650	0	20	8.445	1.275	7.170	0		0	0	0	0	62	0	0	0	0	62	0	0	0	0	0	Chi tiết tại PL 3
II	Kế hoạch vốn ngân sách giao bổ sung	574	0	0	574		42	0	42	0		574	0	0	574		42	0	42	0		0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0		Chi tiết tại PL 4

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA ĐỘNG

(Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương)
(Kèm theo Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ba Động)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao																Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh																Ghi chú
		Chủ đầu tư - Đầu mối giao kế hoạch trước điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn năm 2025					Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn năm 2025					Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
				NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	
	Tổng cộng I+II+III		27.617	7.022	18.015	2.068	512	12.481	1.275	10.015	1.129	62	5.670	0	5.650	0	20		27.617	7.022	18.015	2.068	512	12.481	1.275	10.015	1.129	62	5.670	0	5.650	0	20	
I	Cộng		14.076	1.843	10.845	1.205	183	3.974	0	2.845	1.129	0	5.670	0	5.650	0	20		14.076	1.843	10.845	1.205	183	3.974	0	2.845	1.129	0	5.670	0	5.650	0	20	
1	Nối tiếp tuyến BTXM từ trường TH&THCS đi NVH thôn hương Chiền	UBND xã Ba Liên (cũ)	350		315	35		115		81	34		1		1				350			315	35		115		81	34		1		1		
2	Tuyến đường từ trụ sở UBND xã đi trường TH& THCS		1.147		1.032	115		143		33	110		593			593			1.147		1.032	115		143		33	110		593		593			
3	Nâng cấp tuyến đường từ cầu nước xuôi đi dốc ổi		1.000		900	100		329		234	95		340			340			1.000		900	100		329		234	95		340		340			
4	Kiên cố hóa Kênh mương tại đồng Dốc ổi		1.200		1.080	120		403		288	115		392			392			1.200		1.080	120		403		288	115		392		392			
5	Kè chống sạt lở phía đông suối Đá Chát		1.451		1.306	145		447		307	140		567			567			1.451		1.306	145		447		307	140		567		567			
6	Trường TH&THCS;Hạng mục nhà đa năng		5.476		4.928	548		1.824		1.284	540		3.411			3.411			5.476		4.928	548		1.824		1.284	540		3.411		3.411			
7	Trường Mầm non Ba Liên;hạng mục bếp ăn đạt chuẩn		1.000		900	100		329		234	95		345			345			1.000		900	100		329		234	95		345		345			
8	Nối tiếp BTXM tuyến đường từ trụ sở UBND xã đi trường TH&THCS Ba Liên		426		384	43		384		384			0						426		384	43		384		384			0					
9	Tuyến đường bê tông cầu nước Xuôi đi Nghĩa Địa		990	900			90	0	0	0	0		0	0	0				990	900			90	0	0	0	0		0	0	0			
10	BTXM từ nhà ông Hồng đi nhà ông Rừng		220	200			20	0	0	0	0		0	0	0				220	200			20	0	0	0	0		0	0	0			
11	BTXM xi măng từ QL 24 đến nhà Ông Bu thôn đá Chát		220	200			20	0	0	0	0		20	0	0			20	200				20	0	0	0	0		20	0	0		20	
12	Xây dựng phòng học., tường rào, khu vui chơi của trường mầm non Ba Liên		596	543			53	0	0	0	0		0	0	0			596	543			53	0	0	0	0		0	0	0				
II	Cộng		11.513	3.336	7.170	863	144	8.445	1.275	7.170	0	0	0	0	0	0		11.513	3.336	7.170	863	144	8.445	1.275	7.170	0	0	0	0	0	0	0		
13	Nâng cấp tuyến đường ngã 3 chợ cũ đi cầu treo thôn Tân Long		928	835			93	835	835				0					928	835			93	835	835				0						
14	Trường Trung học cơ sở Ba Động. Hạng mục: Tường rào và sân nền		1.222		1.100	122		1.100		1.100			0					1.222		1.100	122		1.100		1.100			0						
15	Trường Tiểu học Ba Động. Hạng mục: Nhà vệ sinh học sinh và tường rào		1.200		1.080	120		1.080		1.080			0					1.200		1.080	120		1.080		1.080			0						
16	BTXM tuyến đường thôn từ ngã 3 nhà ông Bùi Châu đến nhà ông Lê Văn Long thôn Trường An		256		230	26		230		230			0					256		230	26		230		230		230		0					

TT	Tên dự án	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao														Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh														Ghi chú				
		Chủ đầu tư - Đầu mối giao kế hoạch trước điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn năm 2025					Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn năm 2025					Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025					
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số		Trong đó			
				NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã			NST W	NS tỉnh	NS huyện	NS xã
17	Trường Mầm non Ba Động. Hạng mục: Bếp ăn	UBND Xã Ba Động (cũ)	411		370	41		370		370			0					411		370	41		370		370			0						
18	Nối tiếp BTXM đường Ngã 3 chợ cũ đi nhà lưu niệm đồng chí Trần Toại		870		783	87		783		783			0					870		783	87		783		783			0						
19	Kiến cổ hóa kênh Hồ Rỗng thôn Suối Loa		800		720	80		720		720			0					800		720	80		720		720			0						
20	Nâng cấp đường QL24-cầu Gò Chùa		840		756	84		756		756			0					840		756	84		756		756			0						
21	BTXM đường xóm Chùa đi nhà ông Có		200		180	20		180		180			0					200		180	20		180		180			0						
22	BTXM đường xóm Chùa đi nhà bà Lê		250		225	25		225		225			0					250		225	25		225		225			0						
23	KCH kênh Rộc Bàu - đồng Bả Chánh		843		759	84		759		759			0					843		759	84		759		759			0						
24	Sân nền via hè đường vào Ngã trang liệt sĩ xã Ba Động		300		210	90		210		210			0					300		210	90		210		210			0						
25	Nối tiếp BTXM đường nhà ông Bùi Bảo Hồng đi Bãi Nà thôn Trường An		330		297	33		297		297			0					330		297	33		297		297			0						
26	Nối tiếp đường BTXM đường QL24 đi nhà ông Nguyễn Thanh Tuấn		511		460	51		460		460			0					511		460	51		460		460			0						
27	Nối tiếp KCH kênh mương Chối Liêm	1.028	1.028				0					0					1.028	1.028				0					0							

Phụ lục 04

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA ĐỘNG

(Nguồn vốn: Nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách tỉnh và nguồn phân cấp ngân sách huyện)

(Kèm theo Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ba Động)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Kế hoạch đầu tư công được cấp thẩm quyền giao													Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh												Ghi chú	
		Chủ đầu tư - Đầu mối giao kế hoạch trước điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025			Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch sau điều chỉnh	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch vốn được phép kéo dài sang năm 2025							
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
				NS TW	NS tỉnh	NS huyện		NST W	NS tỉnh		NS huyện	NST W			NS tỉnh	NS huyện	NST W		NST	NS huyện		NST W	NST	NS huyện				
I	Cộng		6.111	0	5.500	611	574	0	0	574	42	0	42	0		6.111	0	5.500	611	574	0	0	574	42	0	42	0	
1	Công trình nước sạch thôn Hương Chiên	UBND xã Ba Liên (cũ)	1.150		1.035	115	107			107	0	0	0		UBND xã Ba Động	1.150		1.035	115	107			107	0	0	0		
2	Công trình nước sạch thôn Đá Chát		1.150		1.035	115	108			108	0		0			1.150		1.035	115	108			108	0		0		
3	Xây dựng kè chống sạt lở suối Đá Chát, xã Ba Liên		1.111		1.000	111	103			103	0		0			1.111		1.000	111	103			103	0		0		
4	Hạ thế đường dây 0,4 kv và trụ tại thôn đá chát		1.100		990	110	99			99	42		42			1.100		990	110	99			99	42		42		
5	Sân vườn, nhà vệ sinh và thiết chế bên trong Nhà văn hóa thôn Hương Chiên		700		630	70	69			69	0					700		630	70	69			69	0				
6	Tường rào cổng ngõ, kè chống sạt lở, sân vườn, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Đá Chát		700		630	70	69			69	0					700		630	70	69			69	0				
7	Sân vườn Nhà văn hóa xã		200		180	20	20			20	0					200		180	20	20			20	0				